

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày: 13-01-2022.

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

2. Bà Trần Kim Chi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021, về việc tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 75/TB-TA ngày 17 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đỗ Hiếu L, sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T.

Đỗ Thị S, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh T.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: K, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Phạm Hoàng T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Phan Thị Thu H, sinh năm 1961 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

Trần Thị Trúc L, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Phạm Lâm N, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh T

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**\* Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Đỗ Hiếu L và bà Đỗ Thị S, chị Đỗ Thị Thu N có đơn xin vắng mặt; theo đơn khởi kiện và biên bản hòa giải ngày 29/10/2021 và ngày 17/11/2021, chị N trình bày:**

Năm 2018 và 2019, anh Phạm Hoàng T mua thức ăn chăn nuôi gia súc tại Cửa hàng của ông Đỗ Hiếu L và bà Đỗ Thị S; đến ngày 01/02/2019 anh T nợ ông L, bà S 80.000.000 đồng; có bà Phan Thị Thu H mẹ anh Tú ký giấy xác nhận công nợ bảo lãnh nợ. Ngày 26/02/2020, anh T trả được 50.000.000 đồng; đến ngày 22/12/2021 anh T trả tiếp 15.000.000 đồng; hiện nay còn nợ ông L, bà S 15.000.000 đồng. Anh T, bà H chậm trả tiền, nên ông L, bà S yêu cầu anh T, bà H trả tiền nợ và lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 26/02/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Chị N (Đại diện theo uỷ quyền của ông L, bà S) yêu cầu anh T và bà H liên đới trả cho ông L và bà S 15.000.000 đồng và tiền lãi 5.000.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 20.000.000 đồng; không yêu cầu chị L liên đới trả tiền; yêu cầu trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

**\* Bị đơn anh Phạm Hoàng T vắng mặt; theo biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải 29/10/2021 và ngày 17/11/2021, anh T trình bày:**

Năm 2018 và năm 2019, anh T mua thức ăn chăn nuôi gia súc tại Cửa hàng của ông L và bà S để nuôi gà; tính đến ngày 01/02/2019 nợ số tiền 80.000.000 đồng; đến ngày 26/02/2020, anh T trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại ông L, bà S 30.000.000 đồng.

Trong thời gian chăn nuôi, anh T mua thức ăn chăn nuôi cho anh N để nuôi gà, anh N nợ anh T 30.000.000 đồng, nhưng anh T trực tiếp mua thức ăn chăn nuôi, nên anh T trả tiền cho ông L, bà S.

Anh T yêu cầu được trả dần tiền mỗi tháng 5.000.000 đồng, thời gian trả tiền tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ; anh T không đồng ý trả tiền lãi.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng anh N nợ anh T, anh T với anh N tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

**\* Bị đơn bà Phan Thị Thu H có đơn xin vắng mặt, theo biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2021, bà H trình bày:**

Anh T có mua thức ăn chăn nuôi gia súc tại Cửa hàng của ông L, bà S để nuôi gà; tính đến ngày 01/02/2019 anh T nợ ông L, bà S 80.000.000 đồng; bà H có ký giấy xác nhận công nợ bảo lãnh nợ; đến ngày 26/02/2020 anh T trả được 50.000.000 đồng; còn nợ ông L, bà S 30.000.000 đồng, nhưng số tiền nợ 30.000.000 đồng này là do anh Nguyễn Lâm N nhờ anh T mua thức ăn chăn nuôi dùm cho anh Ng; nên anh N phải trả tiền nợ. Bà H không đồng ý trả tiền cho ông L, bà S.

Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

**\* Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn chị Trần Thị Trúc L vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.**

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Lâm N có đơn xin vắng mặt, theo biên bản lấy lời khai và biên bản hoà giải ngày 29/10/2021, anh N trình bày:**

Anh N có nhờ anh T mua thức ăn chăn nuôi gia súc tại Cửa hàng của ông L, bà S để nuôi gà; hiện nay còn nợ 30.000.000 đồng. Anh T trực tiếp mua thức ăn; nên anh T trả tiền cho ông L, bà S. Còn số tiền 30.000.000 đồng anh N nợ anh T, anh N với anh T tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

**\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông L và bà S. Buộc anh T và bà H liên đới trả cho ông L và bà S 20.000.000 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự; Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng mua bán tài sản”, nên căn cứ, giải quyết theo quy định tại các điều 430 và 440 Bộ luật dân sự.

[2] Xét thấy chị N (Đại diện uỷ quyền của nguyên đơn Đỗ Hiếu L và Đỗ Thị S), bị đơn anh Phạm Hoàng T, bà Phan Thị Thu H, chị Trần Thị Trúc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Lâm N đã được tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập dự phiên toà hợp lệ, đúng quy định của pháp luật; chị N, bà H, anh N có đơn xin vắng mặt; anh T, chị L vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn khởi kiện, ông L và bà S yêu cầu chị L liên đới với anh T, bà H trả tiền. Tuy nhiên, qua quá trình tố tụng, chị N (Đại diện uỷ quyền của ông L, bà S) không yêu cầu chị L liên đới với anh T, bà H trả tiền là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật; nên ghi nhận.

[4] Xét anh T với anh N tự thoả thuận về số tiền 30.000.000 đồng anh N nợ anh T; không yêu cầu giải quyết; nên không xem xét. Nếu có tranh chấp thì yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Theo lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, xét thấy:

- Anh T, bà H thừa nhận anh T mua thức ăn chăn nuôi gia súc tại Cửa hàng của ông L, bà S để nuôi gà, tính đến ngày 01/02/2019 nợ ông L, bà S 80.000.000 đồng, bà H (mẹ anh T) có ký giấy xác nhận công nợ bảo lãnh nợ (bút lục số 55); đến ngày 26/02/2020 anh T trả được 50.000.000 đồng, còn nợ 30.000.000 đồng; tuy nhiên, chị N (đại diện uỷ quyền của ông L, bà S) thừa nhận ngày 22/12/2021 anh T có trả được 15.000.000 đồng; hiện nay còn nợ

15.000.000 đồng. Do đó, ông L và bà S yêu cầu anh T và bà H liên đới trả số tiền 15.000.000 đồng là có cơ sở; nên chấp nhận.

- Về lãi suất: Do anh T và bà H chậm trả tiền, nên ông L, bà S yêu cầu anh T, bà H trả tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 26/02/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở. Qua hoà giải, chị N yêu cầu tính lãi của số tiền 30.000.000 đồng từ ngày 26/02/2020 cho đến ngày xử sơ thẩm 13/01/2022, nhưng ngày 22/12/2021, anh T đã trả được 15.000.000 đồng, còn nợ 15.000.000 đồng, nên lãi suất được tính như sau:

Từ ngày 26/02/2020 đến ngày 21/12/2021:  $30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 21 \text{ tháng} = 5.436.500 \text{ đồng}$ .

Từ ngày 23/12/2021 đến ngày 13/01/2022:  $15.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 22 \text{ ngày} = 91.300 \text{ đồng}$ .

Như vậy, tiền lãi anh T, bà H phải trả cho ông L, bà S là 5.527.800 đồng. Tuy nhiên, chị N yêu cầu anh T, bà H trả cho ông L, bà S tiền lãi 5.000.000 đồng là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự; nên chấp nhận.

- Về thời gian trả tiền: Chị N yêu cầu anh T, bà H liên đới trả cho ông L, bà S 20.000.000 đồng (vốn 15.000.000 đồng và lãi 5.000.000 đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật; anh T yêu cầu trả dần tiền mỗi tháng 5.000.000 đồng là nhằm kéo dài thời gian trả nợ; chị N không đồng ý; nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và bà S; buộc anh T và bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L và bà S 20.000.000 đồng; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Anh T và bà H phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy bà H thuộc diện người cao tuổi; nên xét miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

[7] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** - Điều 430, 440; khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.  
- Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.  
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Hiếu L và bà Đỗ Thị S.

- Buộc anh Phạm Hoàng T và bà Trần Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đỗ Hiếu L và bà Đỗ Thị S số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện

theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí:

+ Anh T phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm, do người cao tuổi.

+ Ông L và bà S được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, nên không phải hoàn tiền lại.

Ông L, bà S, chị N (đại diện theo uỷ quyền ông L, bà S), bà H, chị L, anh N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Lê Trung Hiếu**